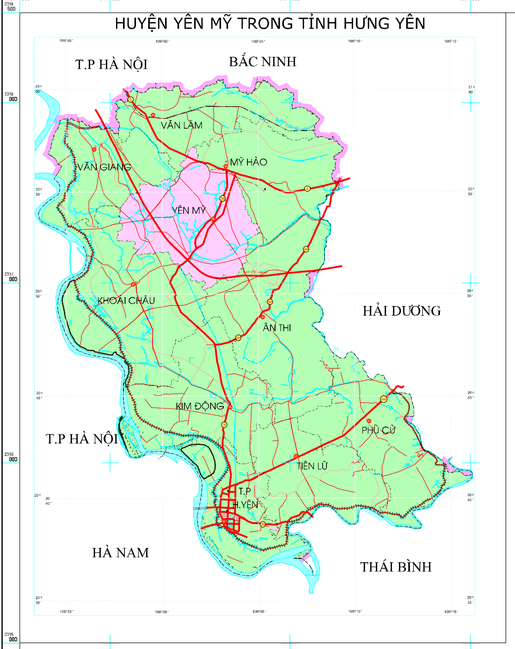
BẢN ĐỒ ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018

HUYỆN YÊN MỸ - TỈNH HƯNG YÊN



HUYỆN VĂN LÂM

HUYỆN MỸ HÀO

HUYỆN VĂN GIANG

HUYỆN KHOÁI CHÂU

HUYỆN ÂN THI

B

CHÚ DẪN

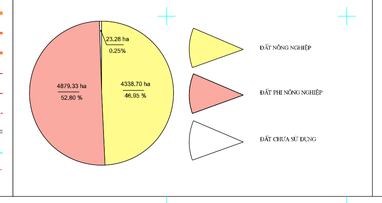
TT	TÊN KÝ HIỆU	KÝ HIỆU HIỆN TRẠNG	KÝ HIỆU TÍNH PHÂN BỔ	KÝ HIỆU HUYỆN XÁC ĐỊNH	KÝ HIỆU KẾ HOẠCH NĂM 2018
19	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC			
20	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	HNK	LUC/HNK	LUC/HNK	LUC/2018/HNK
21	Đất trồng cây lâu năm	CLN	LUC/CLN	LUC/CLN	LUC/2018/CLN
22	Đất chuyên nuôi trồng thuỷ sản nước ngọt	NTS	LUC/NTS	LUC/NTS	LUC/2018/NTS
23	Đất nông nghiệp khác	NKH	LUC/NKH	LUC/NKH	LUC/2018/NKH
24	Đất ở tại nông thôn	ONT	LUC/ONT	LUC/ONT	LUC/2018/ONT
25	Đất ở tại đô thị	ODT	LUC/ODT	LUC/ODT	LUC/2018/ODT
26	Đất trụ sở cơ quan, tổ chức	CTS	LUC/CTS	LUC/CTS	LUC/2018/CTS
27	Đất quốc phòng	CQP	LUC/CQP	LUC/CQP	LUC/2018/CQP
28	Đất an ninh	CAN	LUC/CAN	LUC/CAN	LUC/2018/CAN
29	Đất khu công nghiệp	SKK	LUC/SKK	LUC/SKK	LUC/2018/SKK
30	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh	SKC	LUC/SKC	LUC/SKC	LUC/2018/SKC
31	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, gốm sứ	SKX	LUC/SKX	LUC/SKX	LUC/2018/SKX
32	Đất giao thông	DGD	LUC/DGD	LUC/DGD	LUC/2018/DGD
33	Đất thuỷ lợi	DTL	LUC/DTL	LUC/DTL	LUC/2018/DTL
34	Đất công trình năng lượng	DNL	LUC/DNL	LUC/DNL	LUC/2018/DNL
35	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	LUC/DBV	LUC/DBV	LUC/2018/DBV
36	Đất cơ sở văn hoá	DVH	LUC/DVH	LUC/DVH	LUC/2018/DVH
37	Đất cơ sở y tế	DYT	LUC/DYT	LUC/DYT	LUC/2018/DYT
38	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	LUC/DGD	LUC/DGD	LUC/2018/DGD
39	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT	LUC/DTT	LUC/DTT	LUC/2018/DTT
40	Đất chợ	DCH	LUC/DCH	LUC/DCH	LUC/2018/DCH
41	Đất có di tích danh thắng	DDT	LUC/DDT	LUC/DDT	LUC/2018/DDT
42	Đất để xử lý, chôn lấp chất thải nguy hại	DRA	LUC/DRA	LUC/DRA	LUC/2018/DRA
43	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TIN	LUC/TIN	LUC/TIN	LUC/2018/TIN
44	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	LUC/NTD	LUC/NTD	LUC/2018/NTD
45	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC			
46	Đất bằng chưa sử dụng	BCS			

CHÚ DẪN

TT	TÊN KÝ HIỆU	KÝ HIỆU HIỆN TRẠNG	KÝ HIỆU QUY HOẠCH
1	Địa giới hành chính huyện		
2	Địa giới hành chính huyện chưa xác định		
3	Địa giới hành chính xã		
4	Trụ sở Uỷ Ban Nhân Dân huyện		
5	Trụ sở Uỷ Ban Nhân Dân xã		
6	Đình, chùa, miếu, đền - Nhà thờ		
7	Đài phát thanh, truyền hình -Sân vận động		
8	Trường học - Bệnh viện, trạm xá		
9	Bưu điện - Trạm bơm - Cầu		
10	Đường quốc lộ	QL5	QL5
11	Đường tỉnh lộ	TL385	TL385
12	Đường huyện lộ	ĐH1.04	ĐH1.04
13	Đường liên xã		
14	Đường thôn xóm		
15	Đường mòn		
16	Hồ, ao, sông, suối		
17	Kênh, mương		
18	Đường điện cao thế		

CƠ CẤU DIỆN TÍCH ĐẤT NĂM 2018

(Tổng diện tích tự nhiên 9241,31 ha)



UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN	SỞ TN VÀ MT TỈNH HƯNG YÊN	UỶ BAN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MỸ	TRUNG TÂM KỸ THUẬT TN VÀ MT HƯNG YÊN
Ngày ... tháng ... năm 20.....	*Ngày ... tháng ... năm 20.....*	*Ngày ... tháng ... năm 20.....*	*Ngày ... tháng ... năm 20.....*

NGUỒN TÀI LIỆU:

Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2015 của huyện

Bản đồ quy hoạch sử dụng đất của huyện đến năm 2020

Bản đồ kế hoạch sử dụng đất của huyện năm 2017

Bản đồ địa chính chính quy năm 2012 (Dự án VLAP)

TỶ LỆ 1:10 000

ĐƠN VỊ XÂY DỰNG:

Trung tâm kỹ thuật TN & MT Hưng Yên